

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt các công trình đã cấp phép khai thác, sử dụng nước phục vụ mục đích cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 571/TTr-STNMT ngày 08/11/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với các công trình đã cấp phép khai thác, sử dụng nước phục vụ mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Kon Tum (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức trực tiếp quản lý, vận hành công trình khai thác nước có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn nơi có công trình khai thác nước và các cơ quan liên quan xác định ranh giới phạm vi của vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình trên thực địa sau khi được phê duyệt và công bố.

2. Bảo vệ nguồn nước do tổ chức, đơn vị mình trực tiếp khai thác, sử dụng. Theo dõi, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình; trường hợp phát hiện hành vi gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác nước của công trình và các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước khác trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác thì phải kịp thời ngăn chặn, đồng thời báo cáo ngay đến chính quyền địa phương nơi gần nhất để xử lý.

Điều 3. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn nơi có công trình khai thác nước được phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt. Đôn đốc, hướng dẫn, giám sát các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh thực hiện việc xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa và công bố theo quy định. Định kỳ hằng năm xác định, tổng hợp, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh tình hình thực hiện việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác nước trên địa bàn tỉnh để cấp cho sinh hoạt.

2. UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn: Phối hợp với các cơ quan liên quan và các tổ chức có công trình khai thác nước cấp nước cho sinh hoạt xác định ranh giới phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa, công bố theo quy định. Thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn; tiếp nhận thông tin, giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác nước trên địa bàn theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Điều 4. Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sinh sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt phải tuân thủ các quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước, quy định về bảo vệ nguồn nước dưới đất và tuân thủ các yêu cầu khác về bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn nơi có công trình khai thác nước sinh hoạt; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Công thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN6.

ll

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Tuấn

Phụ lục

**PHẠM VI VÙNG BẢO HỘ VỆ SINH KHU VỰC LẤY NƯỚC SINH HOẠT
ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC CẤP PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ MỤC ĐÍCH CẤP NƯỚC SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM**
(Kèm theo Quyết định số: 1264/QĐ-UBND ngày 15/11/2018 của UBND tỉnh Kon Tum)

STT	Tên công trình	Chủ công trình	Địa điểm công trình	Tọa độ trí lấy nước (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°30', múi chiều 3 ^o)			Quy mô công trình, nguồn nước khai thác	Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt	Hiện trạng	Nguồn nước	Điều kiện địa hình, địa chất thủy văn, chế độ dòng chảy, đặc điểm nguồn nước, các đặc điểm khác liên quan đến việc bảo vệ chất lượng nguồn nước
				Số hiệu	X (m)	Y (m)					
I	Thành phố Kon Tum										
1	Nhà máy sản xuất gạch Tuynel	Công ty TNHH Hòa Nghĩa	Thôn 5, xã Hòa Bình, TP. Kon Tum	GK01	1581100	550784	Lượng nước khai thác lớn nhất: 17m ³ /ngày đêm (quy mô nhỏ).	20m tính từ miệng giếng.	Cách khu nhà ăn công nhân khoảng 03m về phía Nam, cách công trình vệ sinh khoảng 20m về hướng Đông Nam. Giếng chưa có thành bảo vệ, chưa có nắp đậy, sân giếng là nền đất.	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn nước khai thác: Nước dưới đất. - Tầng chứa nước: Pleistocen 	<p><i>* Địa hình</i> Địa hình khu vực công trình và vùng bảo hộ là địa hình đồi thấp có độ dốc nhỏ hơn 20%</p> <p><i>* Thổ nhưỡng</i> Khu vực dự án là vùng đất đỏ vàng. Tầng tích lũy chất hữu cơ thường mỏng, hàm lượng chất hữu cơ trong đất thấp, đất có màu nâu đỏ hoặc đỏ, xốp hoặc rất xốp. Đặc tính của đất đỏ vàng là lớp vỏ phong hóa dày, đất thoáng khí, thoát nước, nghèo các chất bazơ, nhiều ôxít sắt, nhôm; đất chua, dễ bị thoái hóa.</p> <p><i>* Khí hậu, thủy văn:</i> Công trình có vị trí nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với 2 mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau; lượng mưa năm trung bình đạt 1800mm. Mạng lưới sông suối thưa, ít phát triển với mật độ trung bình đạt 0,40km/km².</p>
				GK02	1581068	550721		20m tính từ miệng giếng.	Nằm trong khu vực sản xuất, cách hệ thống máy tạo hình gạch gần nhất khoảng 4m về phía Bắc. Giếng có thành bảo vệ, chưa có nắp đậy, sân giếng tráng xi măng.		

u



2	Nhà máy sản xuất gạch Tuynel	Công ty cổ phần Hùng Phát	Thôn 5, xã Hòa Bình, TP. Kon Tum	GD01	1581507	550971	<p>Lượng nước khai thác lớn nhất: 22m³/ngày đêm (quy mô nhỏ).</p>	10m tính từ miệng giếng.	Cách khu nhà quản lý 5m về hướng Đông, cách bể phốt nhà vệ sinh khoảng 10m về hướng Nam. Giếng có nắp đậy bằng tấm bê tông đúc sẵn, sân giếng được tráng xi măng, có thành bảo vệ.	<p>Nguồn nước khai thác: Nước dưới đất. - Tầng chứa nước: Pleistocen.</p>	<p>* Địa hình Địa hình khu vực công trình và vùng bảo hộ là địa hình đồi thấp có độ dốc nhỏ hơn 20% * Thổ nhưỡng Khu vực dự án là vùng đất đỏ vàng. Tầng tích lũy chất hữu cơ thường mỏng, hàm lượng chất hữu cơ trong đất thấp, đất có màu nâu đỏ hoặc đỏ, xốp hoặc rất xốp. Đặc tính của đất đỏ vàng là lớp vỏ phong hóa dày, đất thoáng khí, thoát nước, nghèo các chất bazơ, nhiều ôxit sắt, nhôm; đất chua, dễ bị thoái hóa. * Khí hậu, thủy văn: Công trình có vị trí nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với 2 mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau; lượng mưa năm trung bình đạt 1800mm. Mạng lưới sông suối thưa, ít phát triển với mật độ trung bình đạt 0,40km/km².</p>
				GD02	1581594	550626		20m tính từ miệng giếng.	Cách nhà ăn Công nhân khoảng 15m về phía Nam. Giếng có thành bảo vệ, có nắp đậy, sân giếng được tráng xi măng, có thành bảo vệ.		
				GK	1581460	550827		20m tính từ miệng giếng.	Nằm trong khu vực sản xuất, cách hệ thống máy tạo hình gạch gần nhất khoảng 16m hướng Đông - Nam. Giếng có thành bảo vệ, sân giếng được tráng xi măng.		

3	Xí nghiệp may Kon Tum	CN Tổng Cty may Nhà Bè - Công ty CP Xí nghiệp may KT	Km3, QL 14, P. Lê Lợi, TP Kon Tum	GD	1584449	552587	Lượng nước khai thác lớn nhất: 35m ³ /ngày đêm (quy mô nhỏ).	20m tính từ miệng giếng.	Cách nhà bếp nấu ăn Xí nghiệp may về phía Đông khoảng 06m, cách nhà ăn công nhân về phía Bắc khoảng 18m, cách bể thu gom nước thải về phía Tây khoảng 20m. Giếng có thành bảo vệ, có nắp đậy bằng bê tông đúc sẵn, sân giếng được tráng xi măng.	- Nguồn nước khai thác: Nước dưới đất. - Tầng chứa nước Pleistocen.	<p>* Địa hình Địa hình khu vực công trình và vùng bảo hộ là địa hình đồi thấp có độ dốc nhỏ hơn 15%</p> <p>* Thổ nhưỡng Khu vực dự án là vùng đất đỏ vàng. Tầng tích lũy chất hữu cơ thường mỏng, hàm lượng chất hữu cơ trong đất thấp, đất có màu nâu đỏ hoặc đỏ, xốp hoặc rất xốp. Đặc tính của đất đỏ vàng là lớp vỏ phong hóa dày, đất thoáng khí, thoát nước, nghèo các chất bazơ, nhiều ôxit sắt, nhôm; đất chua, dễ bị thoái hóa.</p> <p>* Khí hậu, thủy văn: Công trình có vị trí nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với 2 mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau; lượng mưa năm trung bình đạt 1800mm. Mạng lưới sông suối thưa, ít phát triển với mật độ trung bình đạt 0,40km/km².</p>
4	Nhà máy cấp nước Kon Tum	Công ty TNHH MTV cấp nước Kon Tum	Trạm bơm số 1, P. Trường Chinh, TP. Kon Tum	Trạm bơm	1588520	556572	Lượng nước khai thác lớn nhất: 17.000 m ³ /ngày đêm.	Phía thượng lưu: Từ vị trí khai thác nước mặt về phía thượng lưu sông Đăk Bla 500m. Phía hạ lưu: Từ vị trí khai thác về phía hạ lưu sông Đăk Bla 100m. Hai bên bờ: 20m tính từ mép bờ.	Từ vị trí công trình về phía thượng lưu sông Đăk Bla cách công trình khoảng 500m là điểm khai thác khoảng sân (cát). Từ vị trí công trình về phía hạ lưu khoảng 500m không có công trình hoạt động trên sông gây ảnh hưởng nguồn nước.	Nguồn nước khai thác: Nước mặt sông Đăk Bla.	<p>* Địa hình Địa hình khu vực công trình và vùng bảo hộ là địa hình bằng phẳng thuộc bãi bồi của sông Đăk Bla</p> <p>* Thổ nhưỡng Khu vực dự án là vùng đất nâu phù sa</p> <p>* Khí hậu, thủy văn: Công trình có vị trí nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với 2 mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau; lượng mưa năm trung bình đạt 1850mm. Mạng lưới sông suối trung bình với mật độ trung bình đạt 0,50km/km².</p>

5	Nhà máy chế biến mủ cao su Ia Chim	Công ty TNHH MTV Cao Su Kon Tum	Thôn Nghĩa An, xã Ia Chim, TP. Kon Tum	Trạm bơm	1580401	544338	Lượng nước khai thác lớn nhất: 600m ³ /ngày đêm.	Phía thượng lưu: Từ vị trí khai thác nước mặt về phía thượng lưu suối Ia Bron 1.000m.	Từ vị trí công trình khai thác nước về phía thượng nguồn suối Ia Bron cách 02km có trại chăn nuôi heo của người dân.	- Nguồn nước khai thác: Nước mặt suối Ia Bron.	<p><i>* Địa hình</i> Địa hình khu vực công trình và vùng bảo hộ là địa hình bằng phẳng thuộc bãi bồi của sông Đăk Bla xen kẽ đồi thấp với độ dốc nhỏ hơn 10%.</p> <p><i>* Thổ nhưỡng</i> Khu vực dự án là vùng đất nâu.</p> <p><i>* Khí hậu, thủy văn:</i> Công trình có vị trí nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với 2 mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau; lượng mưa năm trung bình đạt 1850mm. Mạng lưới sông suối trung bình với mật độ trung bình đạt 0,50km/km².</p>
								Phía hạ lưu: Từ vị trí khai thác nước mặt về phía hạ lưu suối Ia Bron 50m	Từ vị trí công trình về phía hạ lưu khoảng 50m là vị trí xả nước thải của Nhà máy.		
								Hai bên bờ: 10m tính từ mép bờ.			
6	Nhà máy đường Kon Tum	Công ty CP Đường Kon Tum	Km 2, xã Vinh Quang, TP. Kon Tum	Trạm bơm	1587792	552407	Lượng nước khai thác lớn nhất: 12.960m ³ /ngày đêm.	Phía thượng lưu: Từ vị trí khai thác nước mặt về phía thượng lưu sông Đăk Bla 1.000m.	Từ vị trí công trình khai thác nước về phía thượng nguồn sông Đăk Bla có nhánh suối chảy vào sông Đăk Bla có tọa độ X= 1587886, Y= 552565	- Nguồn nước khai thác: Nước mặt sông Đăk Bla.	<p><i>* Địa hình</i> Địa hình khu vực công trình và vùng bảo hộ là địa hình bằng phẳng thuộc bãi bồi của sông Đăk Bla.</p> <p><i>* Thổ nhưỡng</i> Khu vực dự án là vùng đất nâu phù sa và đất đỏ vàng</p> <p><i>* Khí hậu, thủy văn:</i> Công trình có vị trí nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với 2 mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau; lượng mưa năm trung bình đạt 1850mm. Mạng lưới sông suối trung bình với mật độ trung bình đạt 0,50km/km².</p>
								Phía hạ lưu: Từ vị trí khai thác nước mặt về phía hạ lưu 30m.	Từ vị trí công trình khai thác nước về phía hạ lưu khoảng 30 m có 01 vị trí xả nước thải của Nhà máy Đường Kon Tum.		



								Hai bên bờ: 20m tính từ mép bờ.			
7	Nhà máy sản xuất gốm sứ và vật liệu xây dựng chất lượng cao	Công ty TNHH Hòa Nghĩa	Phường Ngõ Mây, TP. Kon Tum	GK01	1595096	551566	Lượng nước khai thác lớn nhất: 22m ³ /ngày đêm (quy mô nhỏ).	20m tính từ miệng giếng.	Giếng cách nhà ở công nhân số 01 của Nhà máy khoảng 05m về phía Nam, cách bếp của công nhân Nhà máy khoảng 3m về phía Đông, cách nhà ở công nhân số 02 của Nhà máy khoảng 03m về phía Tây. Giếng có thành bảo vệ, ống chống bằng nhựa nhô cao 30cm so với mặt đất. Sân giếng là nền đất.	- Nguồn nước khai thác: Nước dưới đất. - Tầng chứa nước: Pleistocen.	* Địa hình Địa hình khu vực công trình và vùng bảo hộ là địa hình bằng phẳng thuộc bãi bồi của sông Đăk Bla xen kẽ đồi thấp có độ dốc nhỏ hơn 5%. * Thổ nhưỡng Khu vực dự án là vùng đất nâu phù sa và đất đỏ vàng * Khí hậu, thủy văn: Công trình có vị trí nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với 2 mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau; lượng mưa năm trung bình đạt 1850mm. Mạng lưới sông suối trung bình với mật độ trung bình đạt 0,50km/km ² .
				GK02	1595187	551699		20m tính từ miệng giếng.	Giếng cách nhà chứa than của Nhà máy về phía Đông khoảng 07m. Giếng có thành bảo vệ, ống chống bằng nhựa nhô cao 30cm so với mặt đất. Sân giếng được tráng bằng bê tông.		
8	Nhà máy chế biến mùn cao su	Công ty TNHH Vạn Lợi	Thôn 1, xã Kroong, TP. Kon Tum	Trạm Bơm	1589443	543346	Lượng nước khai thác lớn nhất: 290m ³ /ngày đêm.	Phía thượng lưu: Từ vị trí khai thác nước mặt về phía thượng lưu sông Đăk Bla 1.000m.	Từ vị trí công trình khai thác về phía thượng lưu sông Đăk Bla khoảng 50m là vị trí xả thải của Nhà máy.	- Nguồn nước khai thác: Nước mặt sông Đăk Bla.	* Địa hình Địa hình khu vực công trình và vùng bảo hộ là địa hình bằng phẳng thuộc bãi bồi của sông Pô Kô xen kẽ đồi thấp có độ dốc nhỏ hơn 5%. * Thổ nhưỡng Khu vực dự án là vùng đất nâu phù sa và đất đỏ vàng * Khí hậu, thủy văn: Công trình có vị trí nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với 2 mùa.

								Phía hạ lưu: Từ vị trí khai thác nước mặt về phía hạ lưu 100m.	Từ vị trí công trình khai thác về phía hạ lưu sông Đăk Bla khoảng 1000m là trạm bơm phục vụ tưới tiêu nông nghiệp của Ban Quản lý khai thác các công trình thủy lợi Kon Tum.		Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau; lượng mưa năm trung bình đạt 1850mm. Mạng lưới sông suối trung bình với mật độ trung bình đạt 0,50km/km ² .	
								Hai bên bờ: 20m tính từ mép bờ.				
II Huyện Sa Thầy												
9	Nhà chế tinh sản	máy biến bột	Công ty TNHH TBS Kon Tum	Thôn Bình Giang, xã Sa Bình, huyện Sa Thầy	Trạm Bơm	1591021	539432	Lượng nước khai thác lớn nhất: 1.512,5 m ³ /ngày đêm.	Phía thượng lưu: Từ vị trí khai thác nước mặt về phía thượng lưu sông Pô Kô 1000m. Phía hạ lưu: Từ vị trí khai thác nước mặt về phía hạ lưu sông Pô Kô 100m. Hai bên bờ: 20m tính từ mép bờ.	Từ vị trí công trình khai thác nước mặt về phía thượng lưu sông Pô Kô khoảng 1000m không có công trình xả nước thải, chất thải khác vào nguồn nước. Từ vị trí công trình khai thác nước mặt về phía hạ lưu 150m là điểm xả nước thải của nhà máy tinh bột sắn.	- Nguồn nước khai thác: Nước mặt sông Pô Kô.	* <i>Địa hình</i> Địa hình khu vực công trình và vùng bảo hộ là địa hình đồi thấp có độ dốc từ 5 - 10 5%. * <i>Thổ nhưỡng</i> Khu vực dự án là vùng đất nâu và đất đỏ vàng * <i>Khí hậu, thủy văn:</i> Công trình có vị trí nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với 2 mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau; lượng mưa năm trung bình đạt 1780mm. Mạng lưới sông suối thưa, ít phát triển với mật độ trung bình đạt 0,40km/km ² .

11

10	Nhà máy chế biến mù cao su APT - Kon Tum	Công ty TNHH SX-DV-TM APT Kon Tum	Thôn Nhon Binh, xã Sa Nhon, huyện Sa Thầy	Dẫn nước trên cao	1601372	528380	Lượng nước khai thác lớn nhất: 1.000 m ³ /ngày đêm.	Phía thượng lưu: Từ vị trí khai thác nước mặt về phía thượng lưu suối nhỏ 1000m.	Từ vị trí công trình khai thác nước mặt về phía thượng lưu khoảng 1000m không có công trình xả nước thải, chất thải khác vào nguồn nước.	- Nguồn nước khai thác: Nước mặt suối nhỏ.	<p><i>* Địa hình</i> Địa hình khu vực công trình và vùng bảo hộ là địa hình đồi thấp có độ dốc từ 5 - 10 5%.</p> <p><i>* Thổ nhưỡng</i> Khu vực dự án là vùng đất nâu và đất đỏ vàng, xám.</p> <p><i>* Khí hậu, thủy văn:</i> Công trình có vị trí nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với 2 mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau; lượng mưa năm trung bình đạt 1780mm. Mạng lưới sông suối thưa, ít phát triển với mật độ trung bình đạt 0,40km/km².</p>
								Phía hạ lưu: Từ vị trí công trình khai thác nước mặt về phía hạ lưu suối nhỏ 100m	Từ vị trí công trình khai thác nước mặt về phía hạ lưu khoảng 100m không có công trình xả nước thải, chất thải khác vào nguồn nước.		
								Hai bên bờ: 15m tính từ mép bờ	Hai bên bờ là đất trồng, cây bụi và đất trồng cây mỳ của người dân.		
11	Nhà máy chế biến tinh sản	Công ty CP xuất nhập khẩu nông sản Vi Na	Thôn Nhon Binh, xã Sa Nhon, huyện Sa Thầy	Trạm bơm	1601443	529603	Lượng nước khai thác lớn nhất: 1618,82 m ³ /ngày đêm.	Phía thượng lưu: Từ vị trí khai thác nước mặt về phía thượng lưu suối Đăk Sia 1000m.	Từ vị trí công trình khai thác nước mặt về phía thượng lưu suối Đăk Sia khoảng 80m có điểm thu mua mù cao su của dân.	- Nguồn nước khai thác: Nước mặt suối Đăk Sia.	<p><i>* Địa hình</i> Địa hình khu vực công trình và vùng bảo hộ là địa hình đồi thấp có độ dốc từ 5 - 10%.</p> <p><i>* Thổ nhưỡng</i> Khu vực dự án là vùng đất nâu và đất đỏ vàng, xám.</p> <p><i>* Khí hậu, thủy văn:</i> Công trình có vị trí nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với 2 mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; mùa</p>

								Phía hạ lưu: Từ vị trí khai thác nước mặt về phía hạ lưu suối Đák Sia 100m. Hai bên bờ: 15m tính từ mép bờ.	Từ vị trí công trình khai thác nước mặt về phía hạ lưu khoảng 280m là vị trí xả nước thải của nhà máy. + Phía bờ phải suối: Đất trồng, thuộc phạm vi hành lang giao thông đường tỉnh lộ 675. + Phía bờ trái suối: Đất trồng, cây bụi và đất canh tác trồng cây cao su của người dân địa phương.	khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau; lượng mưa năm trung bình đạt 1780mm. Mạng lưới sông suối thưa, ít phát triển với mật độ trung bình đạt 0,40km/km ² .	
III Huyện Đăk Hà											
12	Nhà chế tinh sản máy biến bột	Công ty TNHH tinh bột sản Tây Nguyên - Đăk Hà	Thôn Kon Gung, xã Đăk Mar, huyện Đăk Hà	Vị trí 1	1605231	541221	Lượng nước khai thác lớn nhất: 732m ³ /ngày đêm.	Phía thượng lưu: Từ vị trí khai thác nước mặt về phía thượng lưu suối nhỏ 1.100m.	Từ vị trí công trình khai thác nước mặt về phía thượng lưu suối nhỏ khoảng 1100m không có công trình xả thải gây ảnh hưởng nguồn nước khai thác.	- Nguồn nước khai thác: Suối nhỏ (thuộc lòng hồ thủy điện PleiKrông).	* Địa hình Địa hình khu vực công trình và vùng bảo hộ là địa hình đồi thấp có độ dốc từ 5 - 10%. * Thổ nhưỡng Khu vực dự án là vùng đất mùn nâu, đất đỏ vàng, và đất xám. * Khí hậu, thủy văn: Công trình có vị trí nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với 2 mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau; lượng mưa năm trung bình đạt 1880mm. Mạng lưới sông suối phát triển trung bình với mật độ trung bình đạt 0,55km/km ² .
				Vị trí 2	1605175	541075		Phía hạ lưu: Từ vị trí khai thác nước mặt về phía hạ lưu suối nhỏ 110m.	Từ vị trí công trình khai thác nước mặt về phía hạ lưu khoảng 110m không có công trình xả thải gây ảnh hưởng nguồn nước khai thác.		

								Hai bên bờ: 20m tính từ mép bờ.	Đất nông nghiệp, trồng cây cà phê, sân của người dân.		
13	Cấp nước sinh hoạt	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Kon Tum	Thôn 4, xã Đăk La, huyện Đăk Hà	GK01	1598909	548289	Lượng nước khai thác lớn nhất: 1.440 m ³ /ngày đêm (quy mô vừa).	20m tính từ miệng giếng.	Cách trường mầm non thôn 4, xã Đăk La khoảng 20m về hướng Bắc, cách nhà dân gần nhất khoảng 30m về phía Đông. Cách bề chứa nước khoảng 3m về phía Nam.	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn nước khai thác: Nước dưới đất. - Tầng chứa nước: Pleistocen. 	<p><i>* Địa hình</i> Địa hình khu vực công trình và vùng bảo hộ là địa hình đồi thấp xen kẽ bồn trũng có độ dốc nhỏ hơn 5%.</p> <p><i>* Thổ nhưỡng</i> Khu vực dự án là vùng đất mùn nâu, đất đỏ vàng, và đất xám.</p> <p><i>* Khí hậu, thủy văn:</i> Công trình có vị trí nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với 2 mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau; lượng mưa năm trung bình đạt 1850mm. Mạng lưới sông suối phát triển trung bình với mật độ trung bình đạt 0,55km/km².</p>
				GK02	1598181	548308		20m tính từ miệng giếng.	Nằm trong khuôn viên trường mầm non thôn 6, xã Đăk La. Cách nhà dân gần nhất khoảng 35m về phía Đông.		
				GK03	1598342	548247		20m tính từ miệng giếng.	Nằm cách bờ trái suối Ngõ Trang khoảng 20m, xung quanh hiện tại đang canh tác hoa màu, lúa nước. Trong phạm vi bán kính 20m tính từ miệng giếng hiện tại không có công trình xây dựng nào.		
IV Huyện Đăk Tô											
14	Cấp nước sinh hoạt	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông	Thôn 8, xã Diên Bình, huyện Đăk Tô	GK01	1613719	542955	Lượng nước khai thác lớn nhất: 1908 m ³ /ngày đêm (quy mô vừa).	20m tính từ miệng giếng.	Cách nhà dân gần nhất khoảng 30m về phía Tây Bắc. Trong phạm vi bán kính 20m tính từ miệng giếng hiện tại là đất trồng, chưa có công trình xây dựng.		<p><i>* Địa hình</i> Địa hình khu vực công trình và vùng bảo hộ là địa hình đồi thấp xen kẽ bồn trũng có độ dốc nhỏ hơn 5%.</p> <p><i>* Thổ nhưỡng</i> Khu vực dự án là vùng đất mùn nâu và đất xám.</p> <p><i>* Khí hậu, thủy văn:</i></p>

		thôn tỉnh Kon Tum		GK02	1613980	542867		20m tính từ miệng giếng.	Cách nhà dân gần nhất khoảng 25m về phía Nam. Trong phạm vi bán kính 20m tính từ miệng giếng hiện tại là đất trống, chưa có công trình xây dựng.	- Nguồn nước khai thác: Nước dưới đất. - Tầng chứa nước: Pleistocen.	Công trình có vị trí nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với 2 mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau; lượng mưa năm trung bình đạt 1890mm. Mạng lưới sông suối phát triển trung bình với mật độ trung bình đạt 0,55km/km ² .	
			GK03	1613784	542726		20m tính từ miệng giếng.	Cách nhà dân gần nhất khoảng 21m về phía Nam. Trong phạm vi bán kính 20m tính từ miệng giếng hiện tại là đất trống, chưa có công trình xây dựng.				
			GK04	1613829	543226		20m tính từ miệng giếng.	Cách nhà dân gần nhất khoảng 30m về phía Bắc. Cách bề chứa nước sạch khoảng 3m về phía Nam. Cách nhà chứa thiết bị vận hành khoảng 20m về hướng Tây.				
15	Nhà còn tinh sắn	máy và bột	Chi nhánh Cty CPNSTP Quảng Ngãi	Thôn 1, xã Tân Cánh, huyện Đắk Tô	GK	1620496	533028	Lượng nước khai thác lớn nhất: 20 m ³ /ngày đêm (quy mô nhỏ).	20m tính từ miệng giếng.	Bán kính 20m tính từ vị trí giếng khoan khai thác là sân bê tông đứng để chứa nguyên liệu của nhà máy.	- Nguồn nước khai thác: Nước dưới đất. - Tầng chứa nước: Pleistocen.	* <i>Địa hình</i> Địa hình khu vực công trình và vùng bảo hộ là địa hình đồi trung bình kiểu lượn sóng có độ dốc từ 5-10%. * <i>Thổ nhưỡng</i> Khu vực dự án là vùng đất mùn nâu, đất xám và đỏ vàng. * <i>Khí hậu, thủy văn:</i> Công trình có vị trí nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với 2 mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau; lượng mưa năm trung bình đạt 1950mm. Mạng lưới sông suối phát triển trung bình với mật độ trung bình đạt 0,60km/km ² .

V		Huyện Ngọc Hồi									
16	Nhà máy nước Ngọc Hồi	Công ty Cổ phần cấp nước Đà Nẵng Ngọc Hồi	thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi	Trạm bơm	1627209	519875	- Lượng nước khai thác lớn nhất: 5.000 m ³ /ngày đêm.	Phía thượng lưu: từ vị trí khai thác nước mặt về phía thượng lưu suối 1.500m. Phạm vi xung quanh khu vực hồ Đăk Tráp và hai bên bờ suối Đăk Leng, suối nhỏ: 20 m tính từ mép bờ hồ, bờ suối.	Hiện trạng xung quanh khu vực hồ và hai bên bờ suối Đăk Leng và suối nhỏ là đất nông nghiệp, trồng cao su, cà phê...của người dân. Khoảng cách từ vị trí lấy nước đến nhà dân gần nhất khoảng 100m.	- Nguồn nước khai thác: Nước mặt hồ Đăk Tráp (thuộc hệ thống suối Đăk Tráp).	<p><i>* Địa hình</i> Địa hình khu vực công trình và vùng bảo hộ là địa hình đồi trung bình kiểu lượn sóng có độ dốc từ 7-15%.</p> <p><i>* Thổ nhưỡng</i> Khu vực dự án là vùng đất xám và đỏ vàng, nâu đen.</p> <p><i>* Khí hậu, thủy văn:</i> Công trình có vị trí nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với 2 mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau; lượng mưa năm trung bình đạt 2000mm. Mạng lưới sông suối phát triển trung bình với mật độ trung bình đạt 0,55km/km².</p>
17	Nhà máy chế biến mù cao su số 5	Công ty TNHH MTV 732	Thôn Tân Bình, xã Đăk Kan, huyện Ngọc Hồi	GK01	1617072	521396	Lượng nước khai thác lớn nhất: 382,5 m ³ /ngày đêm (quy mô vừa).	20m tính từ miệng giếng.	Bán kính 20m tính từ vị trí giếng khoan khai thác là đất nông nghiệp (trồng cao su, hoa màu) do người dân quản lý.	- Nguồn nước khai thác: Nước dưới đất. - Tầng chứa nước Pleistocen.	<p><i>* Địa hình</i> Địa hình khu vực công trình và vùng bảo hộ là địa hình đồi trung bình kiểu lượn sóng có độ dốc từ 10-20%.</p> <p><i>* Thổ nhưỡng</i> Khu vực dự án là vùng đất xám và đỏ vàng, nâu đen.</p> <p><i>* Khí hậu, thủy văn:</i> Công trình có vị trí nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với 2 mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau; lượng mưa năm trung bình đạt 2000mm. Mạng lưới sông suối phát triển trung bình với mật độ trung bình đạt 0,55km/km².</p>
				GK02	1617070	521290		20m tính từ miệng giếng.	Bán kính 20m tính từ vị trí giếng khoan khai thác là đất nông nghiệp (trồng cao su, hoa màu) do người dân quản lý.		
				GK03	1617277	521609		20m tính từ miệng giếng.	Bán kính 20m tính từ vị trí giếng khoan khai thác là đất nông nghiệp (trồng cao su, hoa màu) do người dân quản lý.		

18	Cấp nước sinh hoạt	Ban QL khu kinh tế tỉnh Kon Tum	Xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi	Trạm bơm	1625698	506895	Lượng nước khai thác lớn nhất: 2000 m ³ /ngày đêm.	Phía thượng lưu: Từ vị trí công trình khai thác về phía thượng lưu suối Đăk Hniêng 1.500m. Phạm vi xung quanh khu vực hồ Lạc Long Quân và hạ bên bờ suối Đăk Hniêng: 10m tính từ mép bờ hồ, suối.	Hiện trạng xung quanh khu vực hồ và hai bên bờ suối Đăk Hniêng là đất trồng cây bụi, trồng sắn, cà phê, thông, keo...	- Nguồn nước khai thác: Nước mặt suối Đăk Hniêng.	<p><i>* Địa hình</i> Địa hình khu vực công trình và vùng bảo hộ là địa hình đồi trung bình kiểu lượn sóng có độ dốc từ 10-20%.</p> <p><i>* Thổ nhưỡng</i> Khu vực dự án là vùng đất xám và đỏ vàng, nâu đen.</p> <p><i>* Khí hậu, thủy văn:</i> Công trình có vị trí nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với 2 mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau; lượng mưa năm trung bình đạt 2000mm. Mạng lưới sông suối phát triển trung bình với mật độ trung bình đạt 0,60km/km².</p>
19	Nhà máy chế biến mù cao su Ngọc Hồi	Công ty TNHH MTV Cao Su Kon Tum	Thôn Nông Nhảy II, xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi	Trạm bơm	1630422	521362	Lượng nước khai thác lớn nhất: 500 m ³ /ngày đêm.	Phía thượng lưu: Từ vị trí khai thác nước mặt về phía thượng lưu suối nhỏ 1.000m.	Từ vị trí công trình khai thác nước mặt về phía thượng lưu suối nhỏ khoảng 1000m không có công trình xả thải gây ảnh hưởng nguồn nước khai thác.	- Nguồn nước khai thác: Suối nhỏ.	<p><i>* Địa hình</i> Địa hình khu vực công trình và vùng bảo hộ là địa hình đồi trung bình kiểu lượn sóng có độ dốc từ 10-25%.</p> <p><i>* Thổ nhưỡng</i> Khu vực dự án là vùng đất xám, đỏ vàng, nâu đen.</p> <p><i>* Khí hậu, thủy văn:</i> Công trình có vị trí nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với 2 mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; mùa</p>

11

								Phía hạ lưu: Từ vị trí khai thác nước mặt về phía hạ lưu suối nhỏ 100m.	Từ vị trí công trình khai thác nước mặt về phía hạ lưu khoảng 100m không có công trình xả thải gây ảnh hưởng nguồn nước khai thác.		khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau; lượng mưa năm trung bình đạt 2000mm. Mạng lưới sông suối phát triển trung bình với mật độ trung bình đạt 0,60km/km ² .
								Hai bên bờ: 5m tính từ mép bờ	Đất nông nghiệp, trồng cao su, cà phê, cây hoa màu của người dân.		
20	Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Hồi	Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Hồi	Tổ dân phố 6, thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi	GK	1625287	519332	Lượng nước khai thác lớn nhất: 77,6 m ³ /ngày đêm.	20m tính từ miệng giếng.	Vị trí giếng khai thác cách nhà để xe của Bệnh viện khoảng 10m về hướng Bắc, cách đài nước khoảng 12m về hướng Đông Nam, cách khối nhà hành chính khoảng 30m về hướng Đông. Xung quanh khu vực giếng khoan hiện tại là đất trống, không có nguồn phát thải gây ảnh hưởng đến công trình.	- Tầng chứa nước: Pleistocen.	* Địa hình Địa hình khu vực công trình và vùng bảo hộ là địa hình đồi trung bình kiểu lượn sóng có độ dốc từ 10-20%. * Thổ nhưỡng Khu vực dự án là vùng đất xám và đỏ vàng, nâu đen. * Khí hậu, thủy văn: Công trình có vị trí nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với 2 mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau; lượng mưa năm trung bình đạt 2000mm. Mạng lưới sông suối phát triển trung bình với mật độ trung bình đạt 0,55km/km ² .
21	Nhà máy sản xuất bột sắn Kon Tum	CN Công ty cổ phần tinh bột sắn Phú Yên (Trước đây là CN Công ty Cổ phần	Thôn Nông Nhảy 2, xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum	Trạm bơm	1631362	521468	Lượng nước khai thác lớn nhất: 2.250 m ³ /ngày đêm.	Phía thượng lưu: Từ vị trí khai thác nước mặt về phía thượng lưu sông Pô Kô 400m.	Từ vị trí công trình khai thác nước mặt về phía thượng lưu sông Pô Kô khoảng cách thực tế đến điểm mô cát là 400m.	- Nguồn nước khai thác: Nước mặt sông Pô Kô.	* Địa hình Địa hình khu vực công trình và vùng bảo hộ là địa hình đồi trung bình kiểu lượn sóng có độ dốc từ 10-25%. * Thổ nhưỡng Khu vực dự án là vùng đất xám, đỏ vàng, nâu đen. * Khí hậu, thủy văn: Công trình có vị trí nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với 2 mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; mùa

11

		<p>ting bột sản Fococev)</p>						<p>Phía hạ lưu: Từ vị trí khai thác nước mặt về phía hạ lưu sông Pô Kô 100m.</p>	<p>Từ vị trí công trình khai thác nước mặt về phía hạ lưu sông Pô Kô khoảng 100m không có công trình xả thải gây ảnh hưởng nguồn nước khai thác.</p>		<p>khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau; lượng mưa năm trung bình đạt 2000mm. Mạng lưới sông suối phát triển trung bình với mật độ trung bình đạt 0,60km/km².</p>
								<p>Hai bên bờ: 20m tính từ mép bờ.</p>	<p>Đất nông nghiệp, trồng cao su, cà phê, cây hoa màu của người dân.</p>		
VI Huyện Ia H'Drai											
22	<p>Dự án Khai thác, chế biến đá làm VLXDTT khu vực hồ Đá</p>	<p>Công ty CPXDC T Sông Hong</p>	<p>Xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai</p>	GK	1547713	488158	<p>Lượng nước khai thác lớn nhất: 36,1 m³/ ngày đêm (quy mô nhỏ).</p>	<p>25m tính từ miệng giếng.</p>	<p>Bán kính 25m xung quanh phạm vi giếng là đất trồng, thuộc diện tích đất của công ty quản lý</p>	<p>- Nguồn nước khai thác: Nước dưới đất. Tầng chứa nước: Pleistocen.</p>	<p>* Địa hình Địa hình khu vực công trình và vùng bảo hộ là địa hình đồi núi có độ dốc từ lớn hơn 15%. * Thổ nhưỡng Khu vực dự án là vùng đất xám và nâu đen. * Khí hậu, thủy văn: Công trình có vị trí nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với 2 mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau; lượng mưa năm trung bình đạt 2000mm. Mạng lưới sông suối phát triển trung bình với mật độ trung bình đạt 0,55km/km².</p>

VII Huyện Đắk Glei (03 vị trí khai thác nước mặt)										
23	Nhà máy chế biến tinh bột từ nông sản	Công ty TNHH Phương Hoa	Thôn Đắk Sút, xã Đắk Kroong, huyện Đắk Glei và xã Đắk Ang, huyện Ngọc Hồi	Vị trí 01	1651458	522566	<p>Phía thượng lưu: Từ vị trí khai thác về phía thượng lưu suối Đắk Đanh 1.000m</p> <p>Phía hạ lưu: Từ vị trí khai thác về phía hạ lưu suối Đắk Đanh 100m.</p> <p>Hai bên bờ: 10m tính từ mép bờ.</p> <p>Phía thượng lưu: Từ vị trí khai thác về phía thượng lưu sông Pô Kô 1.000m</p>	<p>Từ vị trí khi thác nước về phía thượng lưu suối Đắk Đanh khoảng 1000m không có công trình xả thải gây ảnh hưởng nguồn nước khai thác.</p> <p>Từ vị trí công trình khai thác nước mặt về phía hạ lưu suối Đắk Đanh khoảng 100m không có công trình xả thải gây ảnh hưởng nguồn nước khai thác.</p> <p>Phía hai bên bờ suối Đắk Đanh là đất nông nghiệp, trồng cây cao su, bời lời, sắn và trồng lúa nước của người dân.</p> <p>Từ vị trí khi thác nước về phía thượng lưu sông Pô Kô khoảng 1000m không có công trình xả thải gây ảnh hưởng nguồn nước khai thác.</p>	<p>- Nguồn nước khai thác: Suối Đắk Đanh, sông Pô Kô và suối nhỏ</p> <p>Sông Pô Kô</p>	<p>* Địa hình Địa hình khu vực công trình và vùng bảo hộ là địa hình đồi trung bình kiểu lượn sóng có độ dốc từ 10-25%.</p> <p>* Thổ nhưỡng Khu vực dự án là vùng đất xám, đỏ vàng, nâu đen.</p> <p>* Khí hậu, thủy văn: Công trình có vị trí nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với 2 mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau; lượng mưa năm trung bình đạt 2000mm. Mạng lưới sông suối phát triển trung bình với mật độ trung bình đạt 0,60km/km².</p>
				Vị trí 02	1650640	523457	Lượng nước khai thác lớn nhất: 672,65 m ³ / ngày đêm.			

u

							Phía hạ lưu: Từ vị trí khai thác về phía hạ lưu sông Pô Kô 100m.	Từ vị trí công trình khai thác nước mặt về phía hạ lưu sông Pô Kô khoảng 100m không có công trình xả thải gây ảnh hưởng nguồn nước khai thác.	
							Hai bên bờ: 10m tính từ mép bờ.	Phía hai bên bờ sông Pô Kô là bãi bồi lòng sông, đất nông nghiệp, cây bụi và đường giao thông.	
							Phía thượng lưu: Từ vị trí khai thác về phía thượng lưu suối nhỏ 1.000m	Từ vị trí khai thác nước về phía thượng lưu suối nhỏ khoảng 1000m không có công trình xả thải gây ảnh hưởng nguồn nước khai thác.	
				Vị trí 03	1650327	523808	Phía hạ lưu: Từ vị trí khai thác về phía hạ lưu suối nhỏ 100m.	Từ vị trí công trình khai thác nước mặt về phía hạ lưu suối nhỏ khoảng 100m không có công trình xả thải gây ảnh hưởng nguồn nước khai thác.	Suối nhỏ
							Hai bên bờ: 5m tính từ mép bờ.	Phía hai bên bờ suối nhỏ là đất nông nghiệp, trồng lúa nước, cây mì của người dân.	

u